CÔNG TY TNHH 01 THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

----------ooOoo----------

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

QUÝ I NĂM 2014

NƠI NHẬN:

CÔNG TY DVDL BẾN THÀNH
(TNHH MỘT THÀNH VIÊN)

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Quý I năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	103 715 835 986	92 718 077 203
2. Các khoản giảm trừ	02			
- Chiết khấu thương mại	04			
- Giảm giá hàng bán	05			
- Hàng bán bị trả lại	06			
- Thuế tiêu thụ ĐB, thuế xuất khẩu phải nộp	07			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		103 715 835 986	92 718 077 203
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	79 745 740 010	72 565 586 491
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		23 970 095 976	20 152 490 712
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	4 442 210 498	9 723 535 818
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	277 763 783	239 710 999
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		216 523 460	137 993 756
8. Chi phí bán hàng	24		7 393 189 829	7 735 410 766
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14 809 459 310	11 904 943 019
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		5 931 893 552	9 995 961 746
11. Thu nhập khác	31		1 640 856 217	241 205 399
12. Chi phí khác	32		29 235 363	9 230 435
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1 611 620 854	231 974 964
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7 543 514 406	10 227 936 710
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	1 341 818 775	1 844 192 353
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		6 201 695 631	8 383 744 357
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Ngày 10 Tháng 04 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH
M.S.D.N: 0301171827-C.T.T.N.H.H
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY DVDL BẾN THÀNH
(TNHH MỘT THÀNH VIÊN)

Mẫu số 01-Dn
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**259 382 621 950**	**288 819 987 400**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**121 911 088 186**	**163 030 928 175**
1. Tiền	111	V.01	31 911 088 186	28 030 928 175
2. Các khoản tương đương tiền	112		90 000 000 000	135 000 000 000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.02**		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**100 035 360 631**	**100 425 433 882**
1. Phải thu của khách hàng	131		28 014 458 926	21 300 956 685
2. Trả trước cho người bán	132		10 732 164 903	17 343 276 695
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	65 225 734 296	65 718 197 996
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3 936 997 494)	(3 936 997 494)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**29 823 347 073**	**18 625 881 454**
1. Hàng tồn kho	141	V.04	29 823 347 073	18 625 881 454
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**7 612 826 060**	**6 737 743 889**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2 639 486 190	1 857 623 604
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1 522 052	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	1 423 338 718	3 891 436 785
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3 548 479 100	988 683 500
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250	**200**		**220 901 950 519**	**221 376 233 982**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	**220**	**V.08**	**69 110 928 869**	**69 146 513 260**
1. TSCĐ hữu hình	221		66 795 059 076	48 496 138 220
- Nguyên giá	222		132 390 755 906	112 024 611 281
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(65 595 696 830)	(63 528 473 061)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	289 152 518	336 593 768

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
- Nguyên giá	228		759 060 000	759 060 000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(469 907 482)	(422 466 232)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	2 026 717 275	20 313 781 272
III. Bất động sản đầu tư	**240**	**V.12**		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**147 785 235 000**	**147 785 235 000**
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		85 910 000 000	85 910 000 000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	73 819 235 000	73 819 235 000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(11 944 000 000)	(11 944 000 000)
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**4 005 786 650**	**4 444 485 722**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	3 739 655 514	4 180 354 586
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	3 106 136	3 106 136
3. Tài sản dài hạn khác	268		263 025 000	261 025 000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**480 284 572 469**	**510 196 221 382**
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**145 934 827 354**	**174 687 671 898**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**127 207 818 803**	**156 906 638 277**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	13 971 938 450	13 465 822 495
2. Phải trả cho người bán	312		10 269 845 082	4 922 966 090
3. Người mua trả tiền trước	313		14 120 918 793	8 335 226 686
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	3 294 695 139	13 587 966 370
5. Phải trả người lao động	315		7 324 897 880	37 541 685 761
6. Chi phí phải trả	316	V.17	10 459 788 942	1 287 427 082
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	58 441 416 579	67 512 086 705
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Khen thưởng BĐH	323		9 324 317 938	10 253 457 088
II. Nợ dài hạn	**330**		**18 727 008 551**	**17 781 033 621**
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333		17 330 038 800	17 300 215 440
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm- BHTN	336		2 892 020	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		1 394 077 731	480 818 181
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	**400**		**334 349 745 115**	**335 508 549 484**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.22**	**334 349 745 115**	**335 508 549 484**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		320 000 000 000	320 000 000 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8 148 049 484	8 148 049 484
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6 201 695 631	7 360 500 000
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**480 284 572 469**	**510 196 221 382**
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi				
4. Nợ khó đòi đã xử lý			(2 264 705 425,00)	(2 264 705 425,00)
5. Ngoại tệ các loại				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Ngày 10 tháng 4 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH
M.S.D.N: 0301177827 - C.T.N.H.H
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH TÀI KHOẢN

Tài Khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chánh

Quý I năm 2014

STT	CHỈ TIÊU	TIỀN
I	**Phát sinh tăng**	**4.442.210.498**
1	Doanh thu lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	2.974.281.856
2	Lãi do bán ngoại tệ	556.586
3	Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.444.338.156
4	Chiết khấu thanh toán được hưởng	462.640
5	Lãi tỷ giá hối đoái HH,DV trong SXKD trong năm tài chánh	22.571.260
II	**Phát sinh giảm**	**4.442.210.498**
1	Kết chuyển	4.442.210.498

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

THUYẾT MINH TÀI KHOẢN

Tài Khoản 635 - Chi phí tài chánh

Quý I năm 2014

STT	CHỈ TIÊU	TIỀN
I	**Phát sinh tăng**	**277.763.783**
1	Chi phí lãi tiền vay	216.523.460
2	Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ HĐ KD	61.240.323
II	**Phát sinh giảm**	**277.763.783**
1	Kết chuyển	277.763.783

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH
M.S.D.N: 0301171827 - C.T.T.N.H.H
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH TÀI KHOẢN

Tài Khoản 711 - Thu nhập khác

Quý I năm 2014

STT	CHỈ TIÊU	TIỀN
I	**Phát sinh tăng**	**1.640.856.217**
1	Thu nhập khác	1.640.856.217
II	**Phát sinh giảm**	**1.640.856.217**
1	Kết chuyển	1.640.856.217

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

THUYẾT MINH TÀI KHOẢN

Tài Khoản 811 - Chi phí khác

Quý I năm 2014

STT	CHỈ TIÊU	TIỀN
I	**Phát sinh tăng**	**29.235.363**
1	Chi phí nhượng bán và thanh lý TSCĐ	10.840.690
2	Chi phí khác	18.394.673
II	**Phát sinh giảm**	**29.235.363**
1	Kết chuyển	29.235.363

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

M.S.D.N: 0301171827-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH TÀI KHOẢN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Tài Khoản 111 - Tiền mặt

STT	ĐƠN VỊ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
1	Văn phòng Công ty DVDL Bến Thành	10.678.000
2	Chi Nhánh Hà Nội	30.840.100
3	Nhà Hàng Tự Do	3.554.900
4	Nhà Hàng Đồng Dao	458.704.000
5	Khách Sạn Viễn Đông	15.990.000
6	Khách Sạn Ngân Hà	6.224.200
7	Chi Nhánh Đà Nẵng	13.860.000
8	Nhà Hàng Hải Sản Tự Do	419.100
	Tổng cộng	**540.270.300**

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

THUYẾT MINH TÀI KHOẢN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Tài Khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng

STT	ĐƠN VỊ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
1	Văn phòng Công ty DVDL Bến Thành	31.110.484.131
2	Chi Nhánh Hà Nội	68.612.694
3	Chi Nhánh Đà Nẵng	173.338.381
	Tổng cộng	**31.352.435.206**

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH
M.S.D.N: 0301174627-C.T.T.N.H.H
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH TÀI KHOẢN

Tài Khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng

Quý I năm 2014

STT	CHỈ TIÊU	TIỀN
I	**Đầu kỳ**	**27.385.178.175**
1	Tiền Việt Nam - NH CT.1	52.146.025
2	Tiền Việt Nam gửi tại NH VCB	18.536.187.397
3	Tiền Việt Nam - NH Eximbank	1.997.772.814
4	Tiền Việt Nam gửi tại OCB (NH Phương Đông)	208.735.105
5	Tiền Việt Nam gửi tại NH- ĐTPT (BIDV)	855.149.573
6	Tiền Việt Nam - Tại Cty CK Bản Việt	927.389.318
7	Ngoại tệ gửi Vietcombank EURO	163.751.049
8	Ngoại tệ gửi Vietcombank USD	4.568.123.948
9	Ngoại tệ gửi NH tại Công thương CN1 - USD	12.739.204
10	Tiền ngoại tệ gửi NH Phương Đông USD	63.183.742
II	**Phát sinh tăng**	**348.401.068.622**
1	Tiền Việt Nam - NH CT.1	81.907
2	Tiền Việt Nam gửi tại NH VCB	149.177.336.206
3	Tiền Việt Nam - NH Eximbank	27.071.651.713
4	Tiền Việt Nam gửi tại OCB (NH Phương Đông)	157.171.093.239
5	Tiền Việt Nam gửi tại NH- ĐTPT (BIDV)	2.439.406.670
6	Tiền Việt Nam - Tại Cty CK Bản Việt	2.177.893
7	Ngoại tệ gửi Vietcombank EURO	904.183
8	Ngoại tệ gửi Vietcombank USD	12.538.249.830
9	Ngoại tệ gửi NH tại Công thương CN1 - USD	24.310
10	Tiền ngoại tệ gửi NH Phương Đông USD	142.671
III	**Phát sinh giảm**	**344.433.811.591**
1	Tiền Việt Nam - NH CT.1	21.600.381
2	Tiền Việt Nam gửi tại NH VCB	159.214.453.521
3	Tiền Việt Nam - NH Eximbank	28.950.716.085
4	Tiền Việt Nam gửi tại OCB (NH Phương Đông)	146.993.646.519
5	Tiền Việt Nam gửi tại NH- ĐTPT (BIDV)	580.043.382
6	Ngoại tệ gửi Vietcombank EURO	357.802
7	Ngoại tệ gửi Vietcombank USD	8.672.993.901
IV	**Số dư cuối**	**31.352.435.206**
1	Tiền Việt Nam - NH CT.1	30.627.551
2	Tiền Việt Nam gửi tại NH VCB	8.499.070.082
3	Tiền Việt Nam - NH Eximbank	118.708.442
4	Tiền Việt Nam gửi tại OCB (NH Phương Đông)	10.386.181.825
5	Tiền Việt Nam gửi tại NH- ĐTPT (BIDV)	2.714.512.861
6	Tiền Việt Nam - Tại Cty CK Bản Việt	929.567.211

STT	CHỈ TIÊU	TIỀN
7	Ngoại tệ gửi Vietcombank EURO	164.297.430
8	Ngoại tệ gửi Vietcombank USD	8.433.379.877
9	Ngoại tệ gửi NH tại Công thương CN1 - USD	12.763.514
10	Tiền ngoại tệ gửi NH Phương Đông USD	63.326.413

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

M.S.D.N: 0301[illegible]-C.T.T.N.H.H CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH TÀI KHOẢN

Tài Khoản 128 - Đầu tư ngắn hạn khác

Quý I năm 2014

STT	CHỈ TIÊU	TIỀN
I	**Đầu kỳ**	**135.000.000.000**
1	Ngân hàng Công Thương CN.1	20.000.000.000
2	Ngân hàng Ngoại thương TP.HCM	50.000.000.000
3	Ngân hàng TMCP Phương Đông	65.000.000.000
II	**Phát sinh tăng**	**160.000.000.000**
1	Ngân hàng Ngoại thương TP.HCM	50.000.000.000
2	Ngân hàng TMCP Phương Đông	110.000.000.000
III	**Phát sinh giảm**	**205.000.000.000**
1	Ngân hàng Ngoại thương TP.HCM	50.000.000.000
2	Ngân hàng TMCP Phương Đông	155.000.000.000
IV	**Số dư cuối**	**90.000.000.000**
1	Ngân hàng Công Thương CN.1	20.000.000.000
2	Ngân hàng Ngoại thương TP.HCM	50.000.000.000
3	Ngân hàng TMCP Phương Đông	20.000.000.000

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

THUYẾT MINH TÀI KHOẢN

Tài Khoản 131 - Phải thu của khách hàng

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

STT	ĐƠN VỊ	DƯ NỢ	DƯ CÓ
1	Văn phòng Công ty DVDL Bến Thành	18.944.995.974	11.647.729.722
2	Chi Nhánh Hà Nội	5.881.549.448	1.984.848.960
3	Nhà Hàng Tự Do	600.056.350	
4	Khách Sạn Viễn Đông	2.263.336.354	276.268.611
5	Khách Sạn Ngân Hà	13.800.000	33.382.000
6	Chi Nhánh Đà Nẵng	228.589.950	178.689.500
7	Nhà Hàng Hải Sản Tự Do	82.130.850	
	Tổng cộng	**28.014.458.926**	**14.120.918.793**

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

THUYẾT MINH TÀI KHOẢN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Tài Khoản 138 - Phải thu khác

STT	ĐƠN VỊ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
1	Văn phòng Công ty DVDL Bến Thành	65.042.380.092
2	Chi Nhánh Hà Nội	43.000.000
3	Khách Sạn Viễn Đông	140.354.204
	Tổng cộng	**65.225.734.296**

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

THUYẾT MINH TÀI KHOẢN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Tài Khoản 152 - Nguyên liệu, vật liệu

STT	ĐƠN VỊ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
1	Khách Sạn Viễn Đông	155.341.592
2	Khách Sạn Ngân Hà	16.006.785
	Tổng cộng	**171.348.377**

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

THUYẾT MINH TÀI KHOẢN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Tài Khoản 153 - Công cụ, dụng cụ

STT	ĐƠN VỊ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
1	Văn phòng Công ty DVDL Bến Thành	483.357.573
2	Khách Sạn Viễn Đông	97.398.030
3	Chi Nhánh Đà Nẵng	8.841.000
	Tổng cộng	**589.596.603**

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH
M.S.D.N: 0301171827-C.T.N.H.H
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH TÀI KHOẢN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Tài Khoản 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

STT	ĐƠN VỊ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
1	Văn phòng Công ty DVDL Bến Thành	12.661.279.409
2	Chi Nhánh Hà Nội	2.075.466.530
3	Nhà Hàng Tự Do	116.807.081
4	Nhà Hàng Đồng Dao	3.754.912
5	Khách Sạn Viễn Đông	12.227.320
6	Nhà Hàng Hải Sản Tự Do	100.695.152
	Tổng cộng	**14.970.230.404**

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

THUYẾT MINH TÀI KHOẢN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Tài Khoản 156 - Hàng hóa

STT	ĐƠN VỊ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
1	Văn phòng Công ty DVDL Bến Thành	13.846.820.409
2	Nhà Hàng Tự Do	87.666.695
3	Nhà Hàng Đồng Dao	4.335.267
4	Khách Sạn Viễn Đông	51.576.580
5	Khách Sạn Ngân Hà	5.641.260
6	Nhà Hàng Hải Sản Tự Do	96.131.478
	Tổng cộng	**14.092.171.689**

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

THUYẾT MINH TÀI KHOẢN

Tài Khoản 222 - Góp vốn liên doanh

Quý I năm 2014

STT	CHỈ TIÊU	TIỀN
I	**Đầu kỳ**	**45.810.000.000**
1	Cty TNHH KS Bến Thành Đồng Khởi Boutique	45.000.000.000
2	Cty CP One Mart	150.000.000
3	Cty TNHH Bến Thành - Lợi Vượng Thành	300.000.000
4	Cty TNHH Bến Thành - Phương Thảo	360.000.000
II	**Phát sinh tăng**	
III	**Phát sinh giảm**	
IV	**Số dư cuối**	**45.810.000.000**
1	Cty TNHH KS Bến Thành Đồng Khởi Boutique	45.000.000.000
2	Cty CP One Mart	150.000.000
3	Cty TNHH Bến Thành - Lợi Vượng Thành	300.000.000
4	Cty TNHH Bến Thành - Phương Thảo	360.000.000

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

THUYẾT MINH TÀI KHOẢN

Tài Khoản 223 - Đầu tư vào công ty liên kết

Quý I năm 2014

STT	CHỈ TIÊU	TIỀN
I	**Đầu kỳ**	**40.100.000.000**
1	Cty TNHH DL Bến Thành - Phú Xuân	32.500.000.000
2	Cty TNHH căn hộ cho thuê nhà Phong Lan	4.000.000.000
3	Cty Cổ Phần Thương Mại Sản Xuất Bến Thành	2.400.000.000
4	Cty Cổ Phần Thực Phẩm Bạch Đằng	1.200.000.000
II	**Phát sinh tăng**	
III	**Phát sinh giảm**	
IV	**Số dư cuối**	**40.100.000.000**
1	Cty TNHH DL Bến Thành - Phú Xuân	32.500.000.000
2	Cty TNHH căn hộ cho thuê nhà Phong Lan	4.000.000.000
3	Cty Cổ Phần Thương Mại Sản Xuất Bến Thành	2.400.000.000
4	Cty Cổ Phần Thực Phẩm Bạch Đằng	1.200.000.000

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

THUYẾT MINH TÀI KHOẢN

Tài Khoản 228 - Đầu tư dài hạn khác

Quý I năm 2014

STT	CHỈ TIÊU	TIỀN
I	**Đầu kỳ**	**73.819.235.000**
1	Ngân hàng TMCP Phương Đông	35.239.100.000
2	Cty CP Đầu Tư Địa ốc Bến Thành (Bến Thành Land)	20.212.500.000
3	Cty CP Du lịch Huế	8.293.575.000
4	Cty CP Bến Thành - Mũi Né	2.600.000.000
5	Cty CP DL Bến Thành - Non Nước	4.000.000.000
6	Cty CP Bến Thành Long Hải	3.160.500.000
7	Khu Khách Sạn Tháng Mười A	313.560.000
II	**Phát sinh tăng**	
III	**Phát sinh giảm**	
IV	**Số dư cuối**	**73.819.235.000**
1	Ngân hàng TMCP Phương Đông	35.239.100.000
2	Cty CP Đầu Tư Địa ốc Bến Thành (Bến Thành Land)	20.212.500.000
3	Cty CP Du lịch Huế	8.293.575.000
4	Cty CP Bến Thành - Mũi Né	2.600.000.000
5	Cty CP DL Bến Thành - Non Nước	4.000.000.000
6	Cty CP Bến Thành Long Hải	3.160.500.000
7	Khu Khách Sạn Tháng Mười A	313.560.000

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

THUYẾT MINH TÀI KHOẢN

Tài Khoản 311 - Vay ngắn hạn

Quý I năm 2014

STT	CHỈ TIÊU	TIỀN
I	**Đầu kỳ**	**13.465.822.495**
1	Công Đòan Công Ty	400.000.000
2	Ngân hàng Ngoại thương TP.HCM	13.065.822.495
II	**Phát sinh tăng**	**13.973.633.450**
1	Công Đòan Công Ty	400.000.000
2	Ngân hàng Ngoại thương TP.HCM	13.573.633.450
III	**Phát sinh giảm**	**13.467.517.495**
1	Công Đòan Công Ty	400.000.000
2	Ngân hàng Ngoại thương TP.HCM	13.067.517.495
IV	**Số dư cuối**	**13.971.938.450**
1	Công Đòan Công Ty	400.000.000
2	Ngân hàng Ngoại thương TP.HCM	13.571.938.450

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

THUYẾT MINH TÀI KHOẢN

Tài Khoản 331 - Phải trả cho người bán

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

STT	ĐƠN VỊ	DƯ NỢ	DƯ CÓ
1	Văn phòng Công ty DVDL Bến Thành	10.147.021.428	6.302.613.803
2	Chi Nhánh Hà Nội	361.708.725	2.987.839.094
3	Nhà Hàng Tự Do		305.521.948
4	Khách Sạn Viễn Đông	149.354.750	395.409.101
5	Khách Sạn Ngân Hà		25.102.900
6	Chi Nhánh Đà Nẵng	74.080.000	94.150.000
7	Nhà Hàng Hải Sản Tự Do		159.208.236
	Tổng cộng	**10.732.164.903**	**10.269.845.082**

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

THUYẾT MINH TÀI KHOẢN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Tài Khoản 3387 - Doanh thu chưa thực hiện

STT	ĐƠN VỊ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
1	Văn phòng Công ty DVDL Bến Thành	1.194.077.731
2	Chi Nhánh Hà Nội	200.000.000
	Tổng cộng	**1.394.077.731**

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH
M.S.D.N: 0301171827-C.T.T.N.H.H
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH TÀI KHOẢN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Tài Khoản 3388 - Phải trả, phải nộp khác

STT	ĐƠN VỊ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
1	Văn phòng Công ty DVDL Bến Thành	57.375.746.038
2	Chi Nhánh Hà Nội	20.451.083
3	Khách Sạn Viễn Đông	11.826.959
4	Nhà Hàng Hải Sản Tự Do	651.200
	Tổng cộng	**57.408.675.280**

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH
M.S.D.N: 0301171827 - C.T.T.N.H.H
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH TÀI KHOẢN

Tài Khoản 3531 - Quỹ khen thưởng.

Quý I năm 2014

STT	CHỈ TIÊU	TIỀN
I	**Đầu kỳ**	**6.155.948.390**
II	**Phát sinh tăng**	
III	**Phát sinh giảm**	**299.988.250**
1	Thưởng Đơn vị cá nhân đạt thành tích thực hiện KHKD	299.988.250
IV	**Số dư cuối**	**5.855.960.140**

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

THUYẾT MINH TÀI KHOẢN

Tài Khoản 3532 - Quỹ phúc lợi.

Quý I năm 2014

STT	CHỈ TIÊU	TIỀN
I	**Đầu kỳ**	**3.610.008.698**
II	**Phát sinh tăng**	
III	**Phát sinh giảm**	**141.650.900**
1	Quà cưới, quà tặng, phúng điếu, thăm viếng, họp mặt.....	77.650.900
2	Chăm lo quà tết CB-CNV hưu trí & gia đình chính sách	64.000.000
IV	**Số dư cuối**	**3.468.357.798**

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

THUYẾT MINH TÀI KHOẢN

Tài Khoản 411 - Nguồn vốn kinh doanh

Quý I năm 2014

STT	CHỈ TIÊU	TIỀN
I	**Đầu kỳ**	**320.000.000.000**
1	Vốn dầu tư của chủ sở hữu	320.000.000.000
IV	**Số dư cuối**	**320.000.000.000**
1	Vốn dầu tư của chủ sở hữu	320.000.000.000

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

THUYẾT MINH TÀI KHOẢN

Tài Khoản 415 - Quỹ dự phòng tài chính

Quý I năm 2014

STT	CHỈ TIÊU	TIỀN
I	Đầu kỳ	8.148.049.484
II	Phát sinh tăng	
III	Phát sinh giảm	
IV	Số dư cuối	8.148.049.484

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngô Hòa	Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Hoàng Tâm Hòa

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH
M.S.D.N: 0301171827-6
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH